

Số: 113/2022/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 28 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 38/2022/HNST ngày 19/01/2022 về việc “Ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954;
2. Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1955;

Cùng địa chỉ: 11 Đường A, Khu định cư B, Khu phố C, phường Dg, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **18 tháng 02 năm 2022**

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **18 tháng 02 năm 2022** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn H.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - 2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 26 Quyển số 1 do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/6/1984).
 - 2.2. Về con chung: Ông bà có 01 (một) con chung là Trần Hoài T (Nam), sinh ngày 29/8/1985, đã trưởng thành;
 - 2.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 - 2.4. Về nợ chung: Không có.

2.5. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị N thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

2.6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND **nơi đăng ký kết hôn**;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT, (Vy).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong